

Số: 41 /2016/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 19 tháng 9 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng,
kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Thủ đô số 25/2012/QH13 ngày 21/11/2012;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008;

Căn cứ Luật Đề điều số 79/2006/QH11 ngày 29/11/2006;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 29/6/2006;

Căn cứ Luật Viễn thông số 41/2009/QH12 ngày 23/01/2009;

Căn cứ Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05/4/2016;

Căn cứ Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 ngày 14/6/2005, Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Giáo dục số 44/2009/QH12 ngày 25/11/2009;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13 ngày 27/11/2014;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng số 29/2004/QH11 ngày 14/12/2004;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009;

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006;

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009;

Căn cứ Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi số 32/2001/PL-UBTVQH10 ngày 04/4/2001;

L

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21/3/2016 của Chính phủ về phân cấp quản lý nhà nước giữa Chính phủ và UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010, số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24/9/2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ về quản lý cây xanh đô thị;

Căn cứ Nghị định số 79/2009/NĐ-CP ngày 28/9/2009 của Chính phủ về quản lý chiếu sáng đô thị;

Căn cứ Nghị định số 24/2015/NĐ-CP ngày 27/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải; số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 về quản lý chất thải và phế liệu;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 và số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ quy định và sửa đổi bổ sung về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003, số 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đô Điều;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo vệ và Phát triển rừng; Quyết định số 07/2012/QĐ-TTg ngày 08/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách tăng cường công tác bảo vệ rừng;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ quy định về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 115/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ quy định chi tiết về giáo dục đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 48/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp;

L

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương; số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 70/2012/NĐ-CP ngày 18/9/2012 của Chính phủ quy định quy định chi tiết về thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh;

Căn cứ Nghị định số 117/2014/NĐ-CP ngày 08/12/2014 của Chính phủ quy định về Y tế xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ quy định về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng;

Căn cứ Thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 01/02/2016 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Giao thông vận tải: số 24/2010/TT-BGTVT ngày 31/8/2010, số 63/2014/TT-BGTVT ngày 7/11/2014, số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11/11/2015 quy định về bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 65/2009/TT-BNN&PTNT ngày 12/10/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn tổ chức hoạt động và phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi;

Căn cứ các Thông tư Liên tịch: số 11/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 29/5/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo; số 39/2015/TTLT-BLĐT BXH-BGDĐT-BNV ngày 19/10/2015 hướng dẫn việc sáp nhập Trung tâm dạy nghề, Trung tâm giáo dục thường xuyên, Trung tâm kỹ thuật tổng hợp;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 51/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 11/12/2015 của Bộ Y tế và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế và Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2016/NQ-HĐND ngày 03/8/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về việc phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 2. Việc phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội tại Quy định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017.

Các quy định phân cấp quản lý nhà nước về các lĩnh vực kinh tế - xã hội do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã ban hành nếu trái với nội dung quy định tại Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày từ ngày ký. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT, TC, NN&PTNT, GTVT, XD VHTT&DL, GD&ĐT, LĐTBXH, TP; YT, TTTT;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Hà Nội;
- Thường trực HĐND TP;
- Cục Kiểm tra văn bản, Bộ Tư pháp;
- Trung tâm Tin học Công báo;
- Báo KTĐT, Báo HNM, Công GTĐT TP;
- Công TTĐT Chính phủ;
- VPUB: các PCVP, các Phòng chuyên môn;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Chung

QUY ĐỊNH

**Về việc phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng,
kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm
2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Mục tiêu, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Mục tiêu

Nhằm phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của mỗi cấp trong bộ máy chính quyền địa phương, vừa tăng cường quyền hạn, trách nhiệm và tính tích cực, chủ động cho cơ sở, vừa bảo đảm sự quản lý tập trung, thống nhất và thông suốt của chính quyền Thành phố, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên địa bàn Thành phố, nhằm phục vụ nhân dân tốt hơn, phát triển Thủ đô ngày càng giàu đẹp, văn minh, hiện đại.

2. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định này quy định một số nội dung phân cấp quản lý nhà nước đối với một số lĩnh vực về hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của chính quyền Thành phố theo quy định của pháp luật.

Những nội dung phân cấp quản lý nhà nước về các lĩnh vực khác không quy định tại Quy định này thì thực hiện theo các văn bản pháp luật hiện hành.

b) Quy định này quy định việc phân cấp quản lý nhà nước giữa chính quyền Thành phố và chính quyền cấp huyện. Nếu thấy cần thiết và được chính quyền Thành phố cho phép, căn cứ các nội dung được chính quyền Thành phố phân cấp quản lý, chính quyền cấp huyện có thể tiếp tục phân cấp cho cấp xã thực hiện quản lý từng lĩnh vực và nội dung công việc trên địa bàn, đảm bảo phù hợp với điều kiện, khả năng cụ thể của mỗi địa phương, phù hợp thẩm quyền, trách nhiệm của cấp xã theo quy định của Nhà nước.

c) Một số nội dung quản lý nhà nước sau đây đối với các lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội, Thành phố thống nhất quản lý, không quy định lại trong từng lĩnh vực phân cấp của Quy định này, bao gồm:

- Quy hoạch; kế hoạch phát triển; quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật và các nội dung quản lý nhà nước khác theo quy định của pháp luật do Thành phố thống nhất quản lý.

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát chính quyền cấp huyện trong việc thực hiện quản lý nhà nước theo phân cấp.

3. Đối tượng áp dụng

a) Chính quyền Thành phố và các cơ quan chuyên môn thuộc chính quyền Thành phố (sau đây gọi tắt là Thành phố).

b) Chính quyền cấp huyện và các cơ quan chuyên môn trực thuộc (sau đây gọi tắt là “cấp huyện”).

c) Tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý nhà nước một số lĩnh vực về hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 2. Nguyên tắc phân cấp

1. Đúng quy định pháp luật hiện hành, quy định tại Khoản 2 Điều 11 và Khoản 1 Điều 13 Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015.

2. Đảm bảo tính kế thừa những ưu điểm, khắc phục các nhược điểm trong quy định phân cấp giai đoạn 2011-2015 và phù hợp với đặc điểm, điều kiện thực tế, năng lực quản lý của từng cấp.

3. Đảm bảo tính đồng bộ, tính hệ thống, tính liên tục, không trùng, không sót trong thực hiện các chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền quản lý nhà nước. Trách nhiệm, quyền hạn của cấp chính quyền nào thì cấp đó phải làm.

4. Đảm bảo nguyên tắc cấp nào làm thuận lợi, kịp thời hơn thì giao cho cấp đó nhằm phục vụ tốt nhất đời sống dân sinh và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn; phù hợp với cơ chế chung về phân định thẩm quyền cho các cấp chính quyền theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015, trừ những lĩnh vực có tính liên kết hệ thống và tính đặc thù Thành phố cần thống nhất quản lý.

5. Tạo điều kiện tối đa cho cấp huyện phát huy cao nhất tính sáng tạo, linh hoạt, tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp; đảm bảo phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa ngành với ngành và giữa ngành với cấp trong quản lý theo ngành, lĩnh vực và quản lý theo địa bàn.

6. Phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn cho cấp huyện quản lý về hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn đồng thời với việc đảm bảo các nguồn lực và điều kiện cần thiết để cấp huyện thực hiện, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

7. Đảm bảo tính công khai, minh bạch, bình đẳng, gắn quyền hạn với trách nhiệm giải quyết công việc và cải cách hành chính trong các lĩnh vực được phân cấp; gắn với trách nhiệm giải trình của các cấp chính quyền địa phương. Gắn phân cấp quản lý với tăng cường kiểm tra, giám sát và hướng dẫn thực hiện sau phân cấp từ phía Thành phố.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Quản lý nhà nước của Thành phố Hà Nội về hạ tầng, kinh tế - xã hội được hiểu* là quá trình tổ chức, điều hành, thực thi quyền hạn gắn với trách nhiệm của Nhà nước nói chung, của cơ quan quản lý nhà nước các cấp nói riêng từ Thành phố đến cấp xã đối với các hoạt động của con người và các quá trình

xã hội liên quan đến các lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố nhằm phục vụ nhân dân, doanh nghiệp, duy trì sự ổn định và phát triển bền vững của xã hội trên địa bàn Thành phố.

2. *Phân cấp quản lý được hiểu là* việc chuyển giao một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền cấp trên cho chính quyền cấp dưới thực hiện một cách liên tục, thường xuyên, hoặc là việc phân công thẩm quyền hợp lý giữa các cấp chính quyền tương ứng cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, đặc điểm, khả năng và điều kiện thực tế của mỗi cấp để tăng cường chất lượng, hiệu lực và hiệu quả của hoạt động quản lý nhà nước.

3. *Đầu tư ở đây được hiểu là* đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công năm 2014.

4. *Các hạng mục của đường bộ, công trình đường bộ* được quy định tại Điều 3 Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18/5/2011 của Bộ Giao thông vận tải.

5. *Đường đô thị:* là đường nằm trong phạm vi địa giới hành chính nội thành, nội thị.

Các loại đường và cấp đường đô thị được quy định tại Bảng số 3 QCVN 07-4:2016/BXD ban hành kèm theo Thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 01/02/2016 của Bộ Xây dựng.

6. *Đường chính:* là đường bảo đảm giao thông chủ yếu trong khu vực.

7. *Chiều cao đập* là khoảng cách thẳng đứng tính từ mặt nền thấp nhất sau khi dọn móng (không kể phần chiều cao chân khay) đến đỉnh đập.

8. *Công nghệ thông tin* là tập hợp các phương pháp khoa học, công nghệ và công cụ kỹ thuật hiện đại để sản xuất, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin số.

9. *Cơ sở hạ tầng thông tin* là hệ thống trang thiết bị phục vụ cho việc sản xuất, truyền tải, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin số, bao gồm mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính và cơ sở dữ liệu.

10. *Hạ tầng công nghệ thông tin dùng chung của Thành phố:* bao gồm mạng tin học diện rộng của Thành phố (mạng WAN) và hạ tầng Trung tâm Dữ liệu.

11. *Hệ thống thông tin dùng chung:* là hệ thống sử dụng công nghệ thông tin để thu thập, truyền, lưu trữ, xử lý, phân phối thông tin và dữ liệu để có thể ứng dụng trong nhiều cơ quan nhà nước.

12. *Cơ sở dữ liệu dùng chung:* là tập hợp các dữ liệu về các lĩnh vực, được sử dụng trong nhiều cơ quan nhà nước, được sắp xếp, tổ chức để dễ dàng truy cập, khai thác, quản lý an toàn và cập nhật thông qua các phương tiện điện tử.

13. *Nghĩa trang được phân loại như sau:* nghĩa trang tập trung cấp quốc gia, nghĩa trang tập trung liên tỉnh, nghĩa trang tập trung cấp Thành phố, nghĩa trang tập trung cấp huyện và cấp xã.

- Nghĩa trang quốc gia là nơi chôn cất phần mộ đồng thời là nơi tưởng niệm, ghi công các cán bộ lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước, các danh nhân văn hóa, các nhà khoa học... có công với đất nước do Trung ương thống nhất quản lý.

- Nghĩa trang tập trung liên tỉnh là nghĩa trang có vị trí ranh giới nằm trên địa bàn từ hai đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên, có phạm vi phục vụ từ hai đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên.

- Nghĩa trang cấp Thành phố là các nghĩa trang do Thành phố quản lý, có phạm vi phục vụ từ hai đơn vị hành chính cấp huyện trở lên.

- Nghĩa trang cấp huyện là các nghĩa trang do quận, huyện, thị xã quản lý, có phạm vi phục vụ từ hai đơn vị hành chính cấp xã trở lên trên địa bàn.

- Nghĩa trang cấp xã là các nghĩa trang do phường, xã, thị trấn quản lý bao gồm cả nghĩa trang thôn, xóm, phục vụ trong địa bàn xã.

Chương II

NỘI DUNG PHÂN CẤP QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC MỘT SỐ LĨNH VỰC HẠ TẦNG, KINH TẾ - XÃ HỘI

Điều 4. Quản lý đường bộ

1. Thành phố:

a) Về đầu tư:

Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng hệ thống đường bộ (bao gồm: lòng đường, lề đường, hè, giải phân cách, cầu đường bộ, hầm đường bộ, cầu đi bộ, bến phà đường bộ (nếu có) và các công trình đường bộ khác): đường cao tốc, đường quốc lộ do Trung ương bàn giao về Thành phố quản lý; đường tỉnh lộ; các đường vành đai, đường trên cao; đường đô thị từ cấp đường khu vực (theo QCVN 07-4:2016/BXD) có bề rộng mặt cắt ngang đường từ 16 m trở lên; các đường chính đi qua địa bàn từ 2 đơn vị hành chính cấp huyện trở lên.

b) Quản lý sau đầu tư:

- Quản lý, bảo trì (bao gồm cả lắp đặt các trang thiết bị phục vụ tổ chức giao thông) lòng đường, lề đường (không bao gồm hè đường) toàn bộ các tuyến đường do Thành phố đầu tư trên địa bàn Thành phố.

- Quản lý, bảo trì (bao gồm cả lắp đặt các trang thiết bị phục vụ tổ chức giao thông) lòng đường (không bao gồm hè đường) của các đường, phố trong địa bàn 12 quận (ngoài các đường do Thành phố đầu tư đi qua địa bàn 12 quận).

- Quản lý, bảo trì (bao gồm cả lắp đặt các trang thiết bị phục vụ tổ chức giao thông) lòng đường (không bao gồm hè đường) của các đường, phố trong các khu đô thị trên địa bàn 12 quận và các khu đô thị nằm trên địa bàn từ 2 đơn vị hành chính cấp huyện trở lên sau khi chủ đầu tư các khu đô thị bàn giao về Thành phố.

- Quản lý, bảo trì (bao gồm cả lắp đặt các trang thiết bị phục vụ tổ chức giao thông) lòng đường, lề đường một số tuyến đường giao thông quan trọng, các trục hướng tâm (không bao gồm hè đường) trên địa bàn các huyện và thị xã Sơn Tây để phục vụ công tác tổ chức giao thông, chống ùn tắc giao thông theo danh

mục Thành phố phê duyệt (ngoài các đường do Thành phố đầu tư đi qua địa bàn 18 huyện, thị xã).

- Thống nhất quản lý, bảo trì hệ thống đèn tín hiệu giao thông trên địa bàn Thành phố.

c) Quản lý các nội dung khác có liên quan:

- Thành phố thống nhất quản lý tổ chức giao thông trên địa bàn Thành phố.

- Thành phố cấp phép đào lòng đường và đầu nối vào hệ thống đường do Thành phố quản lý sau đầu tư.

- Cấp phép sử dụng tạm thời một phần lòng đường không vào mục đích giao thông theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ trên hệ thống đường do Thành phố quản lý sau đầu tư.

2. Cấp huyện:

a) Về đầu tư:

Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng hệ thống đường bộ còn lại trên địa bàn, trừ đường do Trung ương và Thành phố đầu tư quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này.

b) Quản lý sau đầu tư:

- Đối với quận:

+ Quản lý, bảo trì: đường ngõ, ngách và toàn bộ hệ đường trên địa bàn.

+ Quản lý, bảo trì các đường ngõ, ngách còn lại và toàn bộ hệ đường trong các khu đô thị do các chủ đầu tư bàn giao về Thành phố trên địa bàn, trừ phần do Thành phố quản lý sau đầu tư tại Khoản 1 Điều này.

- Đối với huyện và thị xã Sơn Tây:

+ Quản lý, bảo trì, lắp đặt các trang thiết bị phục vụ tổ chức giao thông: hệ thống đường bộ còn lại và toàn bộ hệ đường trên địa bàn, trừ các đường do Thành phố quản lý sau đầu tư đi qua địa bàn huyện, thị xã.

+ Quản lý, bảo trì, lắp đặt các trang thiết bị phục vụ tổ chức giao thông: các tuyến đường; ngõ, ngách và toàn bộ hệ đường trong các khu đô thị còn lại trên địa bàn huyện, thị xã sau khi chủ đầu tư các khu đô thị bàn giao về Thành phố, trừ đường trong các khu đô thị do Thành phố quản lý sau đầu tư tại Khoản 1 Điều này.

c) Quản lý các nội dung khác có liên quan:

- Cấp phép đào lòng đường, hè đường và đầu nối vào hệ thống đường bộ do cấp huyện quản lý sau đầu tư.

- Cấp phép sử dụng tạm thời một phần hè đường, lòng đường không vào mục đích giao thông theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ trên hệ thống đường, hè đường do cấp huyện quản lý sau đầu tư.

Điều 5. Quản lý chiếu sáng công cộng

1. Thành phố:

a) Về đầu tư:

- Đầu tư xây dựng mới hệ thống chiếu sáng công cộng (bao gồm cả chiếu sáng trang trí mỹ thuật đô thị) đồng bộ với đầu tư hệ thống đường bộ do Thành phố đầu tư.

- Đầu tư xây dựng bổ sung hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng hệ thống chiếu sáng công cộng (bao gồm cả chiếu sáng trang trí mỹ thuật đô thị) trên các tuyến đường bộ, trong các công viên, vườn hoa, quảng trường và các khu vực công cộng khác do Thành phố quản lý sau đầu tư.

b) Quản lý sau đầu tư:

- Quản lý, duy tu, bảo trì, cấp điện toàn bộ hệ thống chiếu sáng công cộng trên địa bàn 12 quận, các thị trấn thuộc các huyện, các phường thuộc thị xã Sơn Tây.

- Quản lý, duy tu, bảo trì, cấp điện hệ thống chiếu sáng công cộng trên các tuyến đường, trong các công viên, vườn hoa, quảng trường và các khu vực công cộng khác do Thành phố quản lý sau đầu tư trên địa bàn các huyện và thị xã Sơn Tây.

c) Quản lý các nội dung khác có liên quan:

Cấp phép chiếu sáng quảng cáo, trang trí, chiếu sáng lễ hội trên các tuyến đường, các khu vực do Thành phố quản lý chiếu sáng công cộng sau đầu tư.

2. Cấp huyện:

a) Về đầu tư:

- Đầu tư xây dựng mới hệ thống chiếu sáng công cộng đồng bộ với đầu tư hệ thống đường bộ do cấp huyện đầu tư.

- Đầu tư xây dựng bổ sung, cải tạo, nâng cấp, mở rộng hệ thống chiếu sáng công cộng trên các tuyến đường bộ, trong các công viên, vườn hoa và các khu vực công cộng khác do cấp huyện quản lý sau đầu tư.

b) Quản lý sau đầu tư:

Các huyện và thị xã Sơn Tây: quản lý, duy tu, bảo trì và cấp điện hệ thống chiếu sáng công cộng còn lại trên địa bàn, trừ phần Thành phố quản lý sau đầu tư tại Khoản 1 Điều này.

c) Quản lý các nội dung khác có liên quan:

Cấp phép chiếu sáng quảng cáo, trang trí, chiếu sáng lễ hội trên các tuyến đường, các khu vực do các huyện và thị xã Sơn Tây quản lý chiếu sáng công cộng sau đầu tư.

Điều 6. Quản lý công viên, vườn hoa, cây xanh, thảm cỏ

1. Thành phố:

a) Về đầu tư:

- Đầu tư xây dựng mới công viên (bao gồm cả hồ nước trong công viên) và vườn hoa lớn, quan trọng của Thành phố theo quy hoạch và theo danh mục Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

- Đầu tư trồng mới cây xanh, thảm cỏ trong các khu vực công cộng, quảng trường, trên hệ thống đường do Thành phố đầu tư.

b) Quản lý sau đầu tư:

- Quản lý, duy trì, chăm sóc, bảo tồn các công viên lớn, quan trọng (bao gồm cả bảo đảm chất lượng nước hồ): Thủ Lệ, Thống Nhất, Bách Thảo, Hoà Bình, Tuổi trẻ và các công viên lớn, quan trọng khác (bao gồm cả các công viên được đầu tư theo quy hoạch) theo danh mục Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

- Quản lý, duy trì, chăm sóc, bảo tồn các vườn hoa lớn, quan trọng trên địa bàn 12 quận, các thị trấn thuộc các huyện, các phường thuộc thị xã Sơn Tây cần đảm bảo đồng bộ mỹ quan đô thị Thủ đô theo danh mục Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

- Quản lý, duy trì, chăm sóc, cắt tỉa, trồng bổ sung, thay thế cây xanh bóng mát, cây xanh trang trí, thảm cỏ: trên địa bàn 12 quận, các thị trấn thuộc các huyện, các phường thuộc thị xã Sơn Tây; trên các đường: cao tốc, quốc lộ, tỉnh lộ, đường trên cao do Thành phố quản lý đi qua địa bàn các huyện, thị xã Sơn Tây để đảm bảo đồng bộ mỹ quan đô thị Thủ đô.

c) Quản lý các nội dung khác có liên quan:

Cấp phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị: trong các công viên; vườn hoa; các khu vực công cộng; quảng trường và trên các tuyến đường do Thành phố quản lý cây xanh sau đầu tư trên địa bàn Thành phố trong các trường hợp chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị phải có giấy phép theo quy định.

2. Cấp huyện:

a) Về đầu tư:

- Đầu tư xây dựng mới công viên (gồm cả hồ nước trong công viên), vườn hoa còn lại trên địa bàn, trừ phần Thành phố đầu tư tại Khoản 1 Điều này.

- Đầu tư trồng mới cây xanh, thảm cỏ trong các khu vực công cộng, trên hệ thống đường do cấp huyện đầu tư.

b) Quản lý sau đầu tư:

- Quản lý, duy trì, chăm sóc, bảo tồn các công viên (bao gồm cả bảo đảm chất lượng nước hồ), vườn hoa còn lại trên địa bàn, trừ các công viên, vườn hoa Thành phố quản lý sau đầu tư tại Khoản 1 Điều này.

- Quản lý, duy trì, chăm sóc, cắt sửa, trồng bổ sung, thay thế cây xanh, thảm cỏ còn lại trên địa bàn, trừ cây xanh, thảm cỏ do Thành phố quản lý sau đầu tư tại Khoản 1 Điều này.

c) Quản lý các nội dung khác có liên quan:

Cấp phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh: trong các công viên; vườn hoa; các khu vực công cộng; các tuyến đường, ngõ, ngách còn lại trên địa bàn, trừ phần cây xanh do Thành phố cấp phép chặt hạ, dịch chuyển tại Khoản 1 Điều này trong các trường hợp chặt hạ, dịch chuyển cây xanh phải có giấy phép theo quy định.

Điều 7. Quản lý thoát nước đô thị và xử lý nước thải

1. Quản lý thoát nước đô thị:

1.1. Thành phố:

a) Về đầu tư:

Đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng:

- Hệ thống thoát nước gắn với các khu vực, các tuyến đường do Thành phố đầu tư trên địa bàn Thành phố.

- Hệ thống thoát nước liên khu vực (bao gồm cả các hồ trong khu vực đô thị) không gắn trực tiếp với đường theo danh mục Thành phố phê duyệt.

b) Quản lý sau đầu tư:

- Quản lý, duy tu, duy trì:

+ Toàn bộ hệ thống thoát nước trên địa bàn 12 quận, các thị trấn thuộc các huyện, các phường thuộc thị xã Sơn Tây.

+ Thoát nước gắn với các khu vực, các đường (bao gồm cả đường trong khu đô thị do chủ đầu tư bàn giao về Thành phố) do Thành phố quản lý sau đầu tư trên địa bàn các huyện và thị xã Sơn Tây.

- Quản lý, duy tu, duy trì và quản lý môi trường nước (bao gồm cả quản lý nước thải khu vực hồ; quản lý chất lượng nước hồ) đối với các hồ thoát nước, hồ điều hòa có giá trị lịch sử, văn hóa, cảnh quan môi trường trên địa bàn 12 quận (ngoài các hồ trong công viên Thành phố quản lý) và quản lý điều tiết mực nước hồ theo danh mục hồ nước Thành phố phê duyệt.

c) Quản lý các nội dung khác có liên quan:

Cấp, thu hồi giấy phép đấu nối xả thải nước; giám sát chất lượng nước thải của hệ thống thoát nước và các hộ xả thải nước trực tiếp vào công trình thoát nước đô thị do Thành phố quản lý sau đầu tư.

1.2. Cấp huyện:

a) Về đầu tư:

Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng:

- Hệ thống thoát nước gắn với các khu vực, các tuyến đường do cấp huyện đầu tư.

- Hệ thống thoát nước còn lại, trừ hệ thống thoát nước do Thành phố đầu tư.

b) Quản lý sau đầu tư:

Các huyện và thị xã Sơn Tây quản lý, duy tu, duy trì: hệ thống thoát nước và các hồ điều hòa còn lại trên địa bàn, trừ phần Thành phố quản lý sau đầu tư tại Khoản 1 Điều này.

c) Quản lý các nội dung khác có liên quan:

Cấp, thu hồi giấy phép đấu nối xả thải nước; giám sát việc xả thải nước vào công trình thoát nước đô thị do cấp huyện quản lý sau đầu tư.

2. Xử lý nước thải:

Thành phố thống nhất quản lý hệ thống xử lý nước thải trên địa bàn Thành phố, gồm:

a) Về đầu tư:

Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng hệ thống xử lý nước thải

trên địa bàn Thành phố.

b) Quản lý sau đầu tư:

Quản lý, vận hành, duy tu, duy trì các hệ thống xử lý nước thải do Thành phố đầu tư.

c) Quản lý các nội dung khác có liên quan:

- Quy định chung việc quản lý, sử dụng nước thải sau xử lý trên địa bàn Thành phố.

- Quản lý, kiểm tra giám sát việc sử dụng nước thải sau xử lý từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt do Thành phố quản lý.

Điều 8. Quản lý vệ sinh môi trường

1. Thành phố:

a) Về đầu tư:

- Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng đồng bộ các khu, nhà máy xử lý chất thải, bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt, đất thải tập trung trên địa bàn Thành phố, gồm: các khu liên hợp xử lý chất thải: Sóc Sơn; Xuân Sơn, thị xã Sơn Tây; Đồng Ké và Núi Thoong, huyện Chương Mỹ và các khu xử lý chất thải, đất thải tập trung khác của Thành phố theo quy hoạch.

- Đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng các trạm trung chuyển chất thải phục vụ công tác thu gom, vận chuyển chất thải thuộc trách nhiệm của Thành phố.

b) Quản lý sau đầu tư:

- Quản lý, duy trì vệ sinh môi trường: quét hút; rửa đường, hè; thu gom, vận chuyển chất thải và công tác vệ sinh môi trường khác trên các đường cao tốc do Thành phố quản lý.

- Quản lý, vận hành và duy trì các khu, nhà máy xử lý chất thải, bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt, đất thải tập trung; các trạm trung chuyển chất thải do Thành phố đầu tư.

c) Quản lý các nội dung khác có liên quan:

Phân luồng vận chuyển chất thải trên địa bàn Thành phố về khu xử lý chất thải, nhà máy xử lý chất thải, bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt, đất thải tập trung do Thành phố đầu tư.

2. Cấp huyện:

a) Về đầu tư:

Đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng các khu tập kết rác thải sinh hoạt có phạm vi phục vụ nội huyện.

b) Quản lý sau đầu tư:

- Quản lý, duy trì vệ sinh môi trường: quét hút; rửa đường, hè; thu gom, vận chuyển chất thải và công tác vệ sinh môi trường khác trong toàn bộ phạm vi địa giới hành chính (trừ các đường cao tốc).

- Quản lý, vận hành và duy trì các khu tập kết rác thải sinh hoạt có phạm vi phục vụ nội huyện do cấp huyện đầu tư.

c) Quản lý các nội dung khác có liên quan:

Chỉ đạo và hướng dẫn trong việc thành lập và tổ chức hoạt động của tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường tại địa phương, đảm bảo hoạt động có hiệu quả.

Điều 9. Quản lý bến xe ô tô, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm đón, trả khách, vận tải hành khách tuyến cố định và vận tải hành khách công cộng

1. Thành phố:

a) Về đầu tư:

Đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng (đường dành riêng cho xe buýt; điểm đầu; điểm cuối; điểm dừng; biển báo; nhà chờ; điểm trung chuyển; bãi đỗ xe buýt; trạm điều hành; trạm bảo dưỡng sửa chữa) và các bến xe phục vụ công cộng.

b) Quản lý sau đầu tư:

- Quản lý, bảo trì: kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng và các bến xe phục vụ công cộng do Thành phố đầu tư tại Điểm a Khoản 1 Điều này.

- Tổ chức lựa chọn các đơn vị thực hiện xã hội hóa quản lý sau đầu tư việc khai thác vận hành các bến xe phục vụ công cộng do Thành phố đầu tư.

- Thống nhất quản lý vận tải hành khách công cộng trên địa bàn Thành phố.

c) Quản lý các nội dung khác có liên quan:

- Quản lý việc khai thác, an ninh, trật tự, an toàn, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường:

+ Toàn bộ trạm dừng nghỉ trên tuyến đường thuộc hệ thống đường địa phương; toàn bộ bến xe hàng hóa, bến xe khách; các bãi đỗ xe công cộng tập trung trên địa bàn 4 quận: Ba Đình, Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Đống Đa; các bãi đỗ xe công cộng tập trung gắn với các tuyến đường, các khu vực do Thành phố đầu tư trên địa bàn các quận, huyện, thị xã còn lại theo danh mục Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

+ Các bãi đỗ, điểm đỗ xe: trên lòng đường thuộc các tuyến đường và các khu vực công cộng trên địa bàn 12 quận; trên lòng đường thuộc các tuyến đường do Thành phố quản lý sau đầu tư đi qua các huyện và thị xã Sơn Tây.

- Tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, quyết định công bố đưa các bến xe khách, bến xe hàng, trạm dừng nghỉ trên các tuyến đường, điểm đón trả khách cho vận tải hành khách trên tuyến cố định, các bãi đỗ xe công cộng tập trung thuộc Thành phố quản lý đưa vào khai thác.

- Cấp, thu hồi giấy phép các bãi đỗ, điểm đỗ xe do Thành phố quản lý.

- Lập phương án phân luồng, vạch sơn, cắm biển báo đảm bảo giao thông ra vào bãi đỗ xe do Thành phố quản lý.

- Quy định khung giá dịch vụ trông giữ các loại xe trong bãi đỗ xe chung trên địa bàn Thành phố.

- Quyết định mở tuyến mới xe khách công cộng, hoặc dừng hoạt động đối với các tuyến xe khách không hiệu quả và không theo quy hoạch.

- Quyết định điều chỉnh lộ trình tuyến xe khách và số lượng xe cho

mỗi tuyến.

- Quy định giá vé cụ thể cho từng luồng tuyến xe khách.

2. Cấp huyện:

a) Về đầu tư:

Đầu tư hạ tầng bãi đỗ xe tập trung để phục vụ công cộng còn lại trên địa bàn, trừ những bãi đỗ xe tập trung do Thành phố quản lý tại Khoản 1 Điều này.

b) Quản lý sau đầu tư:

- Quản lý, bảo trì hạ tầng bãi đỗ xe tập trung phục vụ công cộng mà cấp huyện đầu tư tại Điểm a Khoản 2 Điều này.

- Tổ chức lựa chọn các đơn vị, tổ chức, cá nhân thực hiện xã hội hóa quản lý sau đầu tư việc khai thác vận hành các bãi đỗ xe tập trung phục vụ công cộng do cấp huyện đầu tư.

c) Quản lý các nội dung khác có liên quan:

- Quản lý việc đầu tư, khai thác, an ninh, trật tự, an toàn, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường:

+ Bãi đỗ xe công cộng tập trung còn lại trên địa bàn, trừ bãi đỗ xe Thành phố quản lý tại Khoản 1 Điều này.

+ Toàn bộ các bãi, điểm đỗ xe trên hệ đường do cấp huyện quản lý sau đầu tư.

+ Các bãi, điểm đỗ xe trên lòng đường thuộc các tuyến đường do các huyện, thị xã Sơn Tây quản lý sau đầu tư.

+ Các điểm đỗ xe trong các khu dân cư, trung tâm thương mại và khu vực công cộng khác trên địa bàn phân cấp huyện quản lý.

- Tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, công bố đưa các bãi đỗ xe công cộng tập trung do cấp huyện quản lý trên địa bàn vào khai thác.

- Cấp, thu hồi giấy phép các bãi đỗ, điểm đỗ xe do cấp huyện quản lý.

- Lập phương án phân luồng, vạch sơn, cắm biển báo đảm bảo giao thông ra vào bãi đỗ xe do cấp huyện quản lý.

- Kiểm soát giá dịch vụ trông giữ các loại xe cụ thể trong từng bãi đỗ xe do cấp huyện quản lý, phù hợp với đặc điểm, điều kiện của từng địa phương, từng khu vực theo khung giá trông giữ các loại xe Thành phố quy định.

Điều 10. Quản lý cấp nước sạch

1. Thành phố:

a) Về đầu tư:

- Đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng ngoài hàng rào và hỗ trợ khác theo chính sách nước sạch đô thị của nhà nước khi triển khai dự án cấp nước sạch tập trung tại: các quận, thị xã Sơn Tây; các khu vực có sử dụng nguồn nước sạch tập trung của Thành phố và công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn Thành phố.

- Hỗ trợ theo chính sách đầu tư nước sạch nông thôn khi triển khai các dự

án cấp nước sạch nông thôn tại các huyện, thị xã Sơn Tây.

b) Quản lý sau đầu tư:

- Quản lý, duy tu, bảo trì các hạng mục hạ tầng ngoài hàng rào.
- Tổ chức lựa chọn các đơn vị thực hiện xã hội hóa quản lý sau đầu tư việc khai thác vận hành công trình cấp nước do Thành phố đầu tư.

c) Quản lý các nội dung khác có liên quan:

- Quản lý, giám sát các đơn vị cấp nước trong việc đảm bảo cấp nước sạch đô thị, nước sạch tập trung do Thành phố đầu tư.

- Quy định: số lượng, tiêu chuẩn chất lượng, khung giá bán nước sạch trên địa bàn toàn Thành phố.

- Phối hợp với đơn vị cấp nước quản lý bảo vệ an toàn hệ thống cấp nước và ổn định dịch vụ cấp nước tại địa bàn Thành phố đầu tư.

2. Cấp huyện:

a) Về đầu tư:

Ngân sách không đầu tư mới công trình cấp nước sạch tập trung, để khuyến khích xã hội hóa đầu tư lĩnh vực này.

b) Quản lý sau đầu tư:

Quản lý, duy tu, bảo trì công trình cấp nước sạch tập trung hiện có tại địa phương đã được đầu tư bằng ngân sách hoặc có nguồn gốc ngân sách nhà nước mà chưa xã hội hóa quản lý sau đầu tư được.

c) Quản lý các nội dung khác có liên quan:

- Quản lý, giám sát các đơn vị cấp nước sạch tại địa phương về: số lượng, tiêu chuẩn chất lượng, giá bán cho từng đối tượng cụ thể trên địa bàn theo khung giá bán Thành phố quy định.

- Phối hợp với đơn vị cấp nước bảo vệ an toàn hệ thống cấp nước và ổn định dịch vụ cấp nước tại địa phương.

- Quản lý, đôn đốc, giám sát các đơn vị được giao khai thác vận hành công trình cấp nước sạch nông thôn đảm bảo đúng quy định và cam kết với nhà nước.

Điều 11. Quản lý thủy lợi

Thành phố thống nhất quản lý toàn bộ lĩnh vực thủy lợi trên địa bàn Thành phố (công trình đầu mối; hệ thống kênh mương và công trình trên kênh...).

a) Về đầu tư:

Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng hệ thống các công trình thủy lợi do Thành phố quản lý (công trình đầu mối; hệ thống kênh mương và công trình trên kênh...).

b) Quản lý sau đầu tư:

Quản lý, duy trì, vận hành hệ thống các công trình thủy lợi do Thành phố đầu tư.

c) Quản lý các nội dung khác có liên quan:

- Cấp, thu hồi giấy phép đối với các hoạt động phải có phép trong phạm vi bảo

vệ công trình thủy lợi do Thành phố quản lý sau đầu tư theo quy định của pháp luật về khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi.

- Cấp, thu hồi giấy phép xả nước vào công trình thủy lợi do Thành phố quản lý sau đầu tư.

Điều 12. Quản lý đê điều

1. Thành phố:

a) Về đầu tư:

Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng các tuyến đê (kể cả công trình trên đê) từ cấp III trở lên trên địa bàn Thành phố.

b) Quản lý sau đầu tư:

Quản lý, duy tu, bảo trì toàn bộ các tuyến đê (kể cả công trình trên đê) do Thành phố đầu tư.

c) Quản lý các nội dung khác có liên quan:

Cấp phép (bao gồm cả việc đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chấp thuận trước khi cấp phép đối với một số trường hợp pháp luật quy định) cho những hoạt động có liên quan đến đê điều các tuyến đê trên địa bàn Thành phố theo quy định tại Điều 25 Luật Đê điều.

2. Cấp huyện:

a) Về đầu tư:

Đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng các tuyến đê (kể cả công trình trên đê) từ cấp IV trở xuống và các tuyến đê chưa phân cấp trên địa bàn.

b) Quản lý sau đầu tư:

Quản lý, duy tu, bảo trì toàn bộ các tuyến đê (kể cả công trình trên đê) do cấp huyện đầu tư.

c) Quản lý các nội dung khác có liên quan:

- Trực tiếp quản lý, bảo vệ hệ thống đê theo phân cấp quản lý.

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp quản lý, bảo vệ các tuyến đê do Thành phố quản lý đi qua địa bàn theo quy định pháp luật về đê điều và các quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 13. Quản lý rừng

1. Thành phố:

a) Về đầu tư:

Đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ bảo vệ, bảo tồn, phát triển rừng đặc dụng và rừng phòng hộ.

b) Quản lý sau đầu tư:

Quản lý, bảo vệ, phòng chống cháy rừng, duy trì, bảo tồn rừng đặc dụng và rừng phòng hộ trên địa bàn Thành phố.

c) Quản lý các nội dung khác có liên quan:

- Cấp, thu hồi các loại giấy phép cải tạo rừng cho chủ rừng là tổ chức trên địa bàn Thành phố.

- Quyết định chuyển mục đích sử dụng từ loại rừng này sang loại rừng khác; quyết định (hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền chấp thuận) chuyển đổi rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng sang mục đích sử dụng khác theo quy định của pháp luật.

- Quản lý chung việc bảo vệ và phát triển rừng, tài nguyên rừng, đất lâm nghiệp trên địa bàn Thành phố.

2. Cấp huyện:

a) Về đầu tư:

Đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ bảo vệ, hỗ trợ trồng rừng sản xuất trên địa bàn theo chính sách hiện hành của nhà nước.

b) Quản lý sau đầu tư:

- Trực tiếp quản lý, bảo vệ, phòng chống cháy rừng theo phân cấp quản lý trên địa bàn.

- Thực hiện trách nhiệm quản lý và phối hợp quản lý, bảo vệ, phòng chống cháy rừng, sử dụng đất lâm nghiệp trên địa bàn theo quy định của pháp luật và Thành phố về bảo vệ, phát triển rừng.

c) Quản lý các nội dung khác có liên quan:

Cấp, thu hồi các loại giấy phép cải tạo rừng cho chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn trên địa bàn Thành phố.

Điều 14. Quản lý thông tin truyền thông

1. Thành phố:

a) Về đầu tư:

Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin dùng chung và các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm dùng chung cho các cơ quan quản lý nhà nước ở cả ba cấp quản lý của Thành phố (cấp Thành phố, cấp huyện, cấp xã).

b) Quản lý sau đầu tư:

Duy tu, bảo trì hạ tầng công nghệ thông tin dùng chung và các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm dùng chung cho các cơ quan quản lý nhà nước ở cả ba cấp quản lý của Thành phố; duy trì các đài phát thanh truyền hình thuộc Thành phố.

c) Quản lý các nội dung khác có liên quan:

- Cấp phép xây dựng các công trình trạm thu, phát sóng thông tin di động (trạm BTS) trên địa bàn.

- Quản lý các hoạt động Báo chí, xuất bản và các đài phát thanh truyền hình thuộc Thành phố theo thẩm quyền.

2. Cấp huyện:

a) Về đầu tư:

Đầu tư cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng đối với các đài phát thanh, truyền thanh cấp huyện, cấp xã trên địa bàn.

b) Quản lý sau đầu tư:

- Phối hợp quản lý và khai thác hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu dùng chung được Thành phố triển khai tại đơn vị.

- Quản lý, duy trì, bảo trì, vận hành các đài phát thanh, truyền thanh cấp huyện, cấp xã trên địa bàn.

c) Quản lý các nội dung khác có liên quan:

Quản lý các hoạt động của các đài phát thanh, truyền thanh cấp huyện, cấp xã trên địa bàn theo thẩm quyền.

Điều 15. Quản lý giáo dục đào tạo, dạy nghề

1. Thành phố:

a) Về đầu tư:

Đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng các trường công lập gồm: trường đại học Thủ đô, các trường cao đẳng; trường bồi dưỡng cán bộ giáo dục, các trung tâm giáo dục thường xuyên cấp Thành phố; các trường trung cấp; trường trung học phổ thông; trường phổ thông có nhiều cấp học, trong đó có cấp học trung học phổ thông; trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp trung học phổ thông; trung tâm ngoại ngữ, tin học; trường, lớp dành cho người khuyết tật; trường, cơ sở thực hành sư phạm.

b) Quản lý sau đầu tư:

Quản lý, duy tu, sửa chữa các trường, cơ sở, trung tâm công lập thuộc lĩnh vực giáo dục đào tạo, dạy nghề do Thành phố đầu tư.

c) Quản lý các nội dung khác có liên quan:

Đình chỉ hoạt động, sáp nhập, chia, tách, giải thể các trường công lập, dân lập, tư thục trước đây Thành phố đã quyết định thành lập, hoặc cho phép thành lập.

2. Cấp huyện:

a) Về đầu tư:

Đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng các trường công lập gồm: trường trung học cơ sở; trường phổ thông có nhiều cấp học trong đó không có cấp học trung học phổ thông; trường phổ thông dân tộc bán trú; trường phổ thông dân tộc nội trú không có cấp trung học phổ thông; trường tiểu học; cơ sở giáo dục mầm non (trừ các trường, cơ sở thực hành sư phạm do Thành phố quản lý); trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện; các cơ sở giáo dục, đào tạo, dạy nghề cấp huyện có tên gọi khác.

b) Quản lý sau đầu tư:

Quản lý, duy tu, sửa chữa các trường, cơ sở, trung tâm công lập thuộc lĩnh vực giáo dục đào tạo, dạy nghề do cấp huyện đầu tư.

c) Quản lý các nội dung khác có liên quan:

Đình chỉ hoạt động, sáp nhập, chia, tách, giải thể các trường công lập, dân lập, tư thục trước đây cấp huyện đã quyết định thành lập, hoặc cho phép thành lập.

Điều 16. Quản lý văn hóa - thể thao - du lịch

1. Thành phố:

a) Về đầu tư:

- Đầu tư tu bổ, bảo tồn, phát huy giá trị các di tích quan trọng do Thành phố trực tiếp quản lý: Di sản thế giới Hoàng Thành Thăng Long; Khu di tích Cổ Loa; Khu di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám; Di tích Bác Hồ ở Vạn Phúc - Hà Đông; Di tích Nhà tù Hỏa Lò; Di tích 48 Hàng Ngang; Di tích 5D Hàm Long; Di tích 90 Thợ Nhuộm; cụm di tích Đền Bà Kiệu, hồ Hoàn Kiếm - Di tích Đền Ngọc Sơn - tượng đài Vua Lê và các di tích quốc gia đặc biệt khác (nếu có) do Thành phố quản lý sau khi được xếp hạng, công nhận.

- Đầu tư tu bổ các di tích quốc gia đặc biệt, di tích lịch sử cách mạng kháng chiến do cấp huyện đang quản lý và các di tích quốc gia đặc biệt khác (nếu có) khi Thành phố giao cấp huyện quản lý sau khi được xếp hạng, công nhận.

- Hỗ trợ một phần kinh phí đầu tư tu bổ, bảo tồn và phát huy giá trị các di tích quốc gia do cấp huyện đang quản lý.

- Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp các Trung tâm văn hóa, Nhà văn hóa và Nhà thi đấu thể thao cấp Thành phố; Cung Văn hóa thể thao thanh niên Thành phố; Nhà văn hóa học sinh, sinh viên; Cung thiếu nhi Hà Nội.

b) Quản lý sau đầu tư:

- Duy tu, bảo trì và quản lý các di tích quan trọng mà Thành phố trực tiếp đầu tư.

- Quản lý, duy tu, bảo trì các: Trung tâm văn hóa, Nhà văn hóa, thư viện, bảo tàng cấp Thành phố; Nhà thi đấu thể thao, Trung tâm huấn luyện thi đấu thể thao, sân vận động cấp Thành phố, Cung Văn hóa thể thao thanh niên Thành phố, Nhà văn hóa học sinh, sinh viên, Cung thiếu nhi Hà Nội.

c) Quản lý các nội dung khác có liên quan:

- Quản lý và thực hiện các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ đối với các di tích trên địa bàn Thành phố: Nghiên cứu, kiểm kê xếp hạng, lập hồ sơ tư liệu, hồ sơ khoa học về di tích, địa điểm khảo cổ; lập hồ sơ khoa học về di vật theo đề nghị của địa phương; quản lý và tổ chức thực hiện việc nghiên cứu, sưu tầm, kiểm kê phân loại di sản văn hóa phi vật thể; quản lý hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa phi vật thể.

- Cấp phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, quảng cáo, triển lãm, vũ trường.

- Cấp phép tổ chức lễ hội cấp Thành phố các lễ hội dân gian, lễ hội lịch sử, cách mạng, lễ hội văn hóa, thể thao, du lịch và lễ hội có nguồn gốc từ nước ngoài tổ chức tại Việt Nam thuộc một trong các trường hợp sau đây:

+ Lễ hội được tổ chức lần đầu;

+ Lễ hội được khôi phục lại sau nhiều năm gián đoạn;

+ Lễ hội đã được tổ chức định kỳ nhưng có thay đổi nội dung, thời gian, địa điểm so với truyền thống;

+ Lễ hội có nguồn gốc từ nước ngoài do tổ chức nước ngoài hoặc tổ chức Việt Nam tổ chức.

- Quản lý các cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn, làng du lịch.

- Quản lý các doanh nghiệp kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa; các tổ chức kinh doanh đại lý lữ hành; chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa; chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Hà Nội.

2. Cấp huyện:

a) Về đầu tư:

- Đầu tư tu bổ, bảo tồn và phát huy giá trị các di tích còn lại trên địa bàn, trừ các di tích Thành phố trực tiếp đầu tư và các di tích quốc gia đặc biệt, di tích lịch sử cách mạng kháng chiến do cấp huyện quản lý được Thành phố hỗ trợ đầu tư tu bổ, bảo tồn.

- Đối ứng cùng ngân sách Thành phố đầu tư tu bổ, bảo tồn và phát huy giá trị các di tích quốc gia do cấp huyện đang quản lý.

- Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình văn hóa, thể thao cấp huyện, xã, thôn, tổ dân phố, khu vui chơi cộng đồng,...

b) Quản lý sau đầu tư:

- Duy tu, bảo trì và quản lý các di tích còn lại trên địa bàn, trừ các di tích Thành phố trực tiếp quản lý sau đầu tư.

- Quản lý, duy tu, bảo trì các công trình văn hóa, thể thao cấp huyện, xã, thôn, tổ dân phố.

c) Quản lý các nội dung khác có liên quan:

- Tổ chức lễ hội quy mô cấp huyện; chỉ đạo cấp xã tổ chức lễ hội quy mô cấp xã.

- Quản lý các cơ sở lưu trú du lịch: căn hộ du lịch, biệt thự du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà có phòng cho khách du lịch thuê, bãi cắm trại du lịch và cơ sở lưu trú du lịch khác trên địa bàn.

- Quản lý các cá nhân kinh doanh đại lý lữ hành.

Điều 17. Quản lý Y tế

1. Thành phố:

a) Về đầu tư:

Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng các: Bệnh viện (bệnh viện đa khoa và chuyên khoa tuyến Thành phố và tuyến huyện), Trung tâm chuyên khoa, đơn vị sự nghiệp (Chi cục Dân số Kế hoạch hoá gia đình, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm; Trung tâm Y tế Dự phòng).

b) Quản lý sau đầu tư:

Quản lý, hỗ trợ duy tu, bảo trì các: Bệnh viện, Trung tâm chuyên khoa, đơn vị sự nghiệp mà Thành phố đầu tư.

c) Quản lý các nội dung khác có liên quan:

- Điều chỉnh hoặc thu hồi giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở dược trên địa bàn mà trước đây Thành phố đã cấp phép hoạt động.

- Chỉ đạo, giám sát, kiểm tra, thanh tra toàn diện về công tác y tế trên địa bàn Thành phố; chỉ đạo chuyên môn nghiệp vụ y tế thống nhất trên địa bàn Thành phố.

2. Cấp huyện:

a) Về đầu tư:

Đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng: Trung tâm y tế cấp huyện (bao gồm cả các phòng khám đa khoa khu vực, nhà hộ sinh, trạm y tế xã, phường, thị trấn) theo sự hướng dẫn chỉ đạo về chuyên môn nghiệp vụ của Sở Y tế.

b) Quản lý sau đầu tư:

Quản lý, duy tu, duy trì: Trung tâm y tế cấp huyện (bao gồm cả các phòng khám đa khoa khu vực, nhà hộ sinh, trạm y tế xã, phường, thị trấn) theo sự hướng dẫn chỉ đạo về chuyên môn nghiệp vụ của Sở Y tế; Trung tâm Dân số Kế hoạch hoá gia đình.

c) Quản lý các nội dung khác có liên quan:

- Kiểm tra, thanh tra việc tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, kế hoạch, đề án, chương trình, dự án và hoạt động đối với các cơ sở cung cấp dịch vụ y tế trên địa bàn (bao gồm cả cơ sở y, dược tư nhân).

- Cấp giấy chứng nhận cơ sở vệ sinh an toàn thực phẩm theo phân cấp của Bộ Y tế; phối hợp quản lý: y tế, dược tư nhân và Ban dân quân y trên địa bàn theo chỉ đạo của Thành phố.

Điều 18. Quản lý công tác phục vụ tang lễ

1. Thành phố:

a) Về đầu tư:

Đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng:

- Các nghĩa trang cấp Thành phố, có phạm vi phục vụ từ hai đơn vị hành chính cấp huyện trở lên, gồm: Mai Dịch, Nhỏn, Ngọc Hồi; Văn Điển, Yên Kỳ, Thanh Tước, Sài Đồng, Vĩnh Hằng (phần diện tích do Thành phố đầu tư và đang quản lý), nghĩa trang liệt sỹ người Trung Quốc tại Xuân Mai-Chương Mỹ; các nghĩa trang tập trung cấp Thành phố đầu tư mới theo quy hoạch.

- Cơ sở hỏa táng trên địa bàn Thành phố; nhà tang lễ cấp Thành phố.

b) Quản lý sau đầu tư:

Quản lý, duy tu, bảo trì các nghĩa trang, cơ sở hỏa táng, nhà tang lễ do Thành phố đầu tư.

c) Quản lý các nội dung khác có liên quan:

- Quy định giá dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ cơ sở hỏa táng, nhà tang lễ được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn Thành phố; quản lý nguồn thu dịch vụ từ các nghĩa trang, cơ sở hỏa táng, nhà tang lễ do Thành phố quản lý sau đầu tư theo quy định.

- Lập kế hoạch xây dựng mới nghĩa trang cấp Thành phố và lộ trình cải tạo, đóng cửa và di chuyển nghĩa trang.

2. Cấp huyện:

a) Về đầu tư:

Đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng các nghĩa trang còn lại (bao gồm cả nhà tang lễ trong khuôn viên nghĩa trang) trên địa bàn.

b) Quản lý sau đầu tư:

Quản lý, duy tu, bảo trì các nghĩa trang, nhà tang lễ do cấp huyện, cấp xã đầu tư.

c) Quản lý các nội dung khác có liên quan:

- Ban hành giá dịch vụ nghĩa trang, nhà tang lễ do cấp huyện quản lý đầu tư, phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương và quản lý nguồn thu theo quy định.

- Lập kế hoạch xây dựng mới nghĩa trang do cấp huyện quản lý và lộ trình cải tạo, đóng cửa và di chuyển nghĩa trang.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 19. Phân công trách nhiệm và xử lý chuyển tiếp

1. Các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan và chính quyền cấp huyện: Phối hợp lập danh mục công trình, bàn giao, tiếp nhận và quản lý các công trình thuộc lĩnh vực quản lý của ngành theo phân cấp tại Quy định này. Kiện toàn tổ chức bộ máy, phân công cụ thể trách nhiệm tổ chức thực hiện cho các đơn vị trực thuộc và tổ chức thực hiện nghiêm các nội dung phân cấp tại Quy định này.

2. Các Sở, ban, ngành thuộc Thành phố: hướng dẫn, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ tạo điều kiện cho cấp huyện thực hiện tốt nhiệm vụ được phân cấp. Thường xuyên thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện phân cấp theo chức năng, nhiệm vụ.

3. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã Sơn Tây:

a) Chính quyền cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thực hiện tốt các nội dung được Thành phố phân cấp quản lý tại Quy định này.

b) Chủ động phối hợp với các Sở, ngành và các đơn vị có liên quan để thực hiện chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn.

4. Xử lý chuyên tiếp:

4.1. Đối với các công trình theo phân cấp tại Quy định này thuộc Thành phố quản lý, thì việc bàn giao và xử lý chuyên tiếp như sau:

a) Đối với các công trình hiện có và các công trình cấp huyện đang quản lý, nhưng thuộc thẩm quyền quản lý của Thành phố theo Quy định này, hoặc công trình đang chuẩn bị đầu tư nhưng chưa có quyết định phê duyệt dự án đầu tư, hoặc công trình đã có quyết định phê duyệt dự án đầu tư nhưng chưa được bố trí vốn giai đoạn thực hiện dự án: các quận, huyện, thị xã Sơn Tây có trách nhiệm tổ chức bàn giao ngay các công trình này về Thành phố (cho các đơn vị, các sở quản lý chuyên ngành của Thành phố) quản lý.

b) Đối với các công trình đang đầu tư xây dựng, hoặc cải tạo, nâng cấp do Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã Sơn Tây làm chủ đầu tư (công trình đã có quyết định đầu tư, đã được bố trí kế hoạch vốn thực hiện dự án và đang đầu tư): các quận huyện thị xã tiếp tục thực hiện đến khi hoàn thành, quyết toán công trình và bàn giao về Thành phố (cho các đơn vị, các sở quản lý chuyên ngành của Thành phố) quản lý theo phân cấp tại Quyết định này.

4.2. Đối với các công trình theo phân cấp tại Quy định này thuộc cấp huyện quản lý: thực hiện bàn giao từ Thành phố (từ các đơn vị, các sở quản lý chuyên ngành của Thành phố) về Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã Sơn Tây quản lý như quy định tại Điểm 4.1 Khoản 4 Điều này.

Điều 20. Điều khoản thi hành

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, trường hợp cơ quan nhà nước cấp trên ban hành văn bản có nội dung quy định khác quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên ban hành.

Trường hợp có phát sinh vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện, các đơn vị phản ánh kịp thời về Ủy ban nhân dân Thành phố để được xem xét, giải quyết. /

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Chung